TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trãi

2. Ông Trần Thanh Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trương Minh H,** sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kiều H1**, sinh năm 1977. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trương Minh H trình bày: Vào năm 2002, anh và chị Nguyễn Thị Kiều H1 do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 21/3/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng mọi quan điểm cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị có dành thời gian hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị H1 bỏ về cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H1.

Về con chung: Có hai con Trương Trọng H2 (nam), sinh ngày 18/01/2003 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trương Hiếu N (nam), sinh ngày 12/6/2009 hiện anh đang nuôi. Khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 26/7/2023 và quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều H1 trình bày: Thống nhất với nội dung khởi kiện của ông H và xin vắng mặt trong quá trình tố tụng do bận công việc.

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao cháu Trương Hiếu N cho ông H nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều H1 nhưng chị H1 vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Trương Minh H và chị Nguyễn Thị Kiều H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên anh H khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, chị H1 có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H1 chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2002, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, anh H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn phát sinh từ năm 2009 đến đầu năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng không có kết quả, sau đó chị H1 bỏ về cha mẹ ruột sinh sống nên anh chị ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Do thời gian ly thân đã lâu, anh H đã không còn tình cảm với chị H1 nên chị yêu cầu được ly hôn với chị H1.

Về phía chị H1, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập chị H1 đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía chị H1 nhiều lần vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, theo Bản tự khai đề ngày 26/7/2023 chị H1 có ý kiến thống nhất với nội dung khởi kiện của anh H và đồng ý ly hôn với anh H. Điều đó cho thấy chị H1 đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị H1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh H xác định anh và chị H1 có hai con Trương Trọng H2 (nam), sinh ngày 18/01/2003 và Trương Hiếu N (nam), sinh ngày

12/6/2009. Trọng Hiếu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hiếu N đến trưởng thành. Chị H1 cũng đồng ý giao cháu Hiếu N cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H đang nuôi dưỡng cháu Hiếu N, cháu Hiếu N đang sống ổn định với anh H, anh H có đảm bảo cho cháu điều kiện về sinh hoạt, học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của trẻ. Vì vậy, ổn định cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hiếu N đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Mặc dù chị H1 không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị H1 quyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị H1 thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị H1 vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Minh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều H1.

- Về con chung: Trương Trọng H2 (nam), sinh ngày 18/01/2003 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Giao cháu Trương Hiếu N (nam), sinh ngày 12/6/2009 cho anh Trương Minh H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị Nguyễn Thị Kiều H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị H1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Minh H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0003657 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận anh H đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Châu Văn Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng